

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 25 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Sửu, bà Lò Thị Le

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đôn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 12/4/2019 đối với bị cáo:

Lò Văn N, sinh năm 1999, tại huyện M, tỉnh Sơn La; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Thái; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn M, sinh năm 1970, con bà Lò Thị H, sinh năm 1973; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2018 đến nay có mặt.

- Bị hại: Vì Thị V, sinh ngày 12/02/2004, nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Vì Văn T (bố đẻ của Vì Thị V), sinh năm 1974, nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lò Thị H, sinh năm 1973, nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu nhận được đơn đề nghị của Vì Văn T, sinh năm: 1974, trú tại: Bản T, xã T, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La với nội dung: Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 11 năm 2018 Vì Thị V, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2004 (con gái của Vì Văn T) bị Lò Văn N đi xe mô tô đến chặn lại và dùng tay tát, đấm nhiều lần vào vùng mặt và đầu của V. Vì Thị V được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La để điều trị. Vì Văn T đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu giải quyết.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, Lò Văn N đến trụ sở UBND xã T, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi đánh gây thương tích và quan hệ tình dục với Vì Thị V.

Ngày 07 tháng 12 năm 2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định nơi Lò Văn N chặn đánh Vì Thị V là tại lề đường phải hướng Hà Nội- Sơn La thuộc Km 213 + 660, Quốc lộ 6A thuộc địa phận bản Cung giao thông Tà Làng, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Cùng ngày tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định nơi giao cầu giữa Lò Văn N và Vì Thị V là tại đệm ngủ của Vì Thị V ở gian trái hướng Nam nhà ở; tại cây ổi thuộc vườn của gia đình Vì Văn T thuộc bản T, xã T, huyện Yên Châu (cách nhà ở khoảng 50 m) và tại gác xếp phòng trọ số 5 thuộc Tiểu khu x, Thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Quá trình khám nghiệm hiện trường không thu giữ đồ vật, tài liệu.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu ra Quyết định trưng cầu giám định số: 11, trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La.

Tại bản kết luận giám định pháp y về khả năng sinh lý sinh dục nam số: 54/TD ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La kết luận: Tại thời điểm giám định khả năng sinh lý sinh dục của Lò Văn N là bình thường, không phát hiện mắc bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số: 52/TD ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La kết luận: Tại thời điểm giám định không phát hiện dấu vết thương tích (xếp: 0%). Màng trinh rách cũ điểm 9h- 11h- 3h. Tại thời điểm giám định Vì Thị V không có thai, không phát hiện mắc bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục.

Quá trình điều tra Lò Văn N khai nhận: Lò Văn N và Vì Thị V có quan hệ tình cảm yêu đương với nhau từ cuối năm 2017. Trong khoảng thời gian từ ngày 16 tháng 02 năm 2018 đến ngày 02 tháng 9 năm 2018, Lò Văn N nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu đối với Vì Thị V. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Đêm ngày 15 tháng 02 năm 2018 Lò Văn N điều khiển xe mô tô đến nhà rủ Vì Thị V đi chơi. Đến khoảng 01 giờ, ngày 16 tháng 02 năm 2018 N muốn quan hệ tình dục với V nên lấy lý do nhờ V đưa N đi vệ sinh. N đưa V đến vườn của gia đình V ở gần bờ suối (cách nhà V khoảng 50m). N đứng đối diện ôm hôn, dùng tay phải sờ vào ngực rồi cởi quần của V và tự cởi quần của N kéo xuống đầu gối. N lấy bao cao su đã chuẩn bị sẵn đeo vào dương vật đang cương cứng rồi thực hiện quan hệ tình dục được khoảng 5- 6 lần thì bao cao su bị tuột rơi xuống đất, N tiếp tục quan hệ tình dục với V khoảng 05 phút rồi xuất tinh vào trong âm hộ của V, quan hệ xong, N và V đi về nhà.

Lần thứ hai: Tối ngày 22 tháng 8 năm 2018, Lò Văn N đến nhà Vì Thị V chơi thấy bố mẹ V không ở nhà chỉ có bà Vì Thị P (bà nội của V). Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, do trời mưa nên N ngủ lại nhà V. N và V cùng nhau ngủ trên chiếc đệm ở góc sàn bên phải, N nằm quay lưng về phía bếp, ôm hôn dùng tay cởi cúc quần của V và kéo xuống đầu gối. N cởi quần của mình kéo xuống đầu gối quan hệ tình dục được 05 phút thì N xuất tinh ra bên ngoài âm hộ của V. Đến khoảng 04 giờ, ngày 23 tháng 8 năm 2018, N tỉnh dậy và quan hệ tình dục với V được khoảng 05 phút thì N xuất tinh vào bên trong âm hộ của V. Quan hệ tình dục xong N và V mặc quần lại, N điều khiển xe mô tô về nhà.

Lần cuối: Ngày 02 tháng 9 năm 2018, Lò Văn N đón Vì Thị V đến phòng trọ của Vì Văn H ăn cơm cùng H và Lò Thị D (vợ của H). Ăn cơm xong, vợ chồng Vì Văn H đi làm nên N và V lên gác xếp của phòng trọ, N và V cởi hết quần áo đang mặc, quan hệ được khoảng 03 phút thì N xuất tinh vào trong âm hộ của V. Quan hệ xong V đi tắm và sau đó cả hai tiếp tục quan hệ tình dục, được khoảng 02 phút thì dương vật của N không cương cứng nên N không quan hệ tình dục nữa. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, N đưa V về nhà.

Thời gian sau, do mâu thuẫn cá nhân nên N và V chia tay nhau. Đến ngày 21 tháng 11 năm 2018, N và V nhắn tin xúc phạm nhau qua điện thoại. Sáng ngày 22 tháng 11 năm 2018, N điều khiển xe mô tô đi làm thì gặp Vì Thị V đang đi bộ đi học. Bức xúc vì những lời nói của V tới qua, N dùng xe mô tô chặn V lại và dùng tay trái túm cổ áo, tay phải tát ba, bốn lần vào má, tai trái của V. V phản ứng nên cả hai giằng co với nhau, V bị ngã xuống đất. Khi V đứng lên thì N tiếp tục dùng tay phải đâm vào vùng gáy của V khiến V lao về rãnh thoát nước bên phải đường (hướng Hà Nội- Sơn La), thấy vậy, N kéo V lại thì bị V ôm và cắn vào vùng sườn bên phải của N, N túm tóc kéo V ra, V bỏ chạy vào nhà Nguyễn Thị T ở gần đấy, còn N điều khiển xe mô tô đi làm.

Đối với hành vi xâm hại sức khỏe người khác của Lò Văn N với Vì Thị V ngày 22 tháng 11 năm 2018. Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y số: 52/TD ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định của Vì Thị V là 0%. Do đó, hành vi của Lò Văn N không cấu thành tội cố ý gây thương tích.

Cáo trạng số 13/CT-VKSYC ngày 22/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu truy tố Lò Văn N về tội: Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt bị cáo như sau:

1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 20 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 06/12/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc gia đình Lò Văn N đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho Vì Thị V với số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng chẵn).

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên trả cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5; 01 chứng minh thư nhân dân.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lò Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu và khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã gây ra.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Châu; bản tự khai, biên bản thỏa thuận; kết quả khám nghiệm hiện trường; kết luận giám định số 52/TD ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Thời gian từ ngày 16 tháng 02 năm 2018 đến ngày 02 tháng 09 năm 2018 bị cáo Lò Văn N đã có hành vi nhiều lần giao cấu với Vì Thị V. Thời điểm bị cáo Lò Văn N giao cấu thì Vì Thị V mới 14 tuổi 04 ngày. Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, theo điểm a “*Phạm tội 02 lần trở lên*” khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, bị cáo biết rõ bị hại Vì Thị V là trẻ em, mặc dù người bị hại không kháng cự, việc giao cấu diễn ra hoàn toàn tự nguyện, có sự đồng tình hai bên, không bên nào ép buộc bên nào, từ đó bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu nhằm thỏa mãn nhu cầu về tình dục của bản thân. Bị cáo nhận thức và biết được hành vi giao cấu với người bị hại dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện đến cùng, với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Hành vi phạm tội của bị cáo ngoài việc xâm phạm đến danh dự nhân phẩm, sức khỏe, sự phát triển về tâm sinh lý của người bị hại mà còn ảnh hưởng đến tâm lý và hạnh phúc gia đình sau này của người bị hại, gây dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân, do đó cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt bản thân không có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan có thẩm quyền đầu thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Tại phiên tòa, bị hại và người đại diện hợp pháp cho người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết được giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật

hình sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới khung hình phạt cho bị cáo để giảm nhẹ mức hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Đồng thời cũng đủ thời gian giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: (Cấm hành nghề và công việc nhất định): Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Bị cáo Lò Văn N không có công ăn việc làm ổn định, nên không đặt ra đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 08/01/2019 gia đình bị cáo Lò Văn N đã thỏa thuận bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình người bị hại số tiền 7.000.000 đồng. Gia đình bị hại đã nhận đủ tiền, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu gì khác.

Bà Lò Thị H (mẹ bị cáo) đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 7.000.000 đồng, bà H không yêu cầu bị cáo bồi hoàn lại số tiền.

Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, cần ghi nhận.

[5] Về vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu đen, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lò Văn N thu giữ của bị cáo, xét không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, do đó cần tuyên trả lại cho chủ sở hữu.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội: Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lò Văn N 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận việc bị hại Vì Thị V và người đại diện hợp pháp ông Vì Văn T không yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường dân sự thêm khoản nào khác.

Ghi nhận việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị H, không yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) là số tiền đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo cho bị hại.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên trả lại cho bị cáo Lò Văn N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu đen, mặt trắng, số IMEI 990002733536039 (máy cũ đã qua sử dụng), 01 chứng minh nhân dân số 051051484 mang tên Lò Văn N, do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 08 tháng 01 năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lò Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Công an huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- THAHS;
- Bị cáo;
- Bị hại; NLQ;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Ngọc Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Ngọc Hà